

## **BÁO CÁO**

### **Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2022**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 88/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Thực hiện Công văn số 1047 b/UBND-TH ngày 03/7/2017 của UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về việc ủy quyền công khai tài chính;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2022, phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022:

Tổng thu ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022: 455.398 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 82,13% (455.398 triệu đồng/554.506 triệu đồng).

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm trên địa bàn năm 2022 là: 225,250 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 82,13% (225,250 triệu đồng/338.300 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2022:

Chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2022 : 351,220 triệu đồng, đạt 59.44% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (351,220 triệu đồng/590.835 triệu đồng), trong đó chi đầu tư thực hiện 42,501 triệu đồng, đạt



77,27% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (42,501 triệu đồng/55.000 triệu đồng), chi thường xuyên thực hiện 307,767 triệu đồng, đạt 58,87% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (307,767 triệu đồng/522.775 triệu đồng).

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách tỉnh bổ sung cho NS thành phố là: 952 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN đính kèm).

**Nơi nhận :**

- UBND TP (b/c);
- Sở Tài chính NT;
- TT. Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- Đăng trên cổng thông tin điện tử TP
- Lưu: TCKH



**Vũ Thị Minh Ánh**





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý II năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>338.300</b>	<b>225.250</b>	<b>66,58%</b>	<b>152,97%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>338.300</b>	<b>225.228</b>	<b>66,58%</b>	152,97%
1	Thu nội địa	338.300	225.228	66,58%	152,97%
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu các khoản huy động đóng góp</b>		<b>22</b>		<b>185,83%</b>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>554.506</b>	<b>455.398</b>	<b>82,13%</b>	<b>98,49%</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp</b>	<b>223.671</b>	<b>225.250</b>	<b>100,71%</b>	<b>159,39%</b>
1	Các khoản thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	223.671	225.250	100,71%	159,39%
2	Các khoản thu phân chia ngân sách thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)				
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh</b>	<b>330.835</b>	<b>165.892</b>	<b>50,14%</b>	<b>85,85%</b>
1	Bổ sung cân đối	329.883	164.940	50,00%	132,95%
2	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
3	Bổ sung có mục tiêu	952	952	100,00%	1,38%
<b>III</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		64.256		635,82%
<b>V</b>	<b>Thu quản lý qua ngân sách</b>				
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>590.835</b>	<b>351.220</b>	<b>59,44%</b>	103,26%
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	55.000	42.501	77,27%	58,84%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	522.775	307.767	58,87%	129,45%
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	12.108			
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách</b>				
<b>V</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	952	952	100,00%	3,16%





ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>338.300</b>	<b>225.250</b>	<b>67%</b>	<b>153%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>338.300</b>	<b>225.228</b>	<b>67%</b>	<b>153%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	7.000	1.045	15%	145%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	80.000	48.305	60%	104%
4	Thuế thu nhập cá nhân	23.400	29.460	126%	217%
5	Thuế bảo vệ môi trường		0		
6	Lệ phí trước bạ	57.000	41.318	72%	116%
7	Thu phí, lệ phí	10.000	5.833	58%	83%
8	Các khoản thu về nhà, đất	143.600	97.242	68%	267%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.200	2.881	90%	218%
-	Thu tiền sử dụng đất	122.000	54.427	45%	205%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	18.400	39.934	217%	463%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	14.800	1.974	13%	29%
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác (Các khoản thu tại xã)	2.500	51	2%	20%
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Các khoản huy động, đóng góp</b>		<b>22</b>		<b>186%</b>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>554.506</b>	<b>230.148</b>	<b>42%</b>	<b>50%</b>
1	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua				
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	330.835	165.892	50%	86%
	Thu bổ sung cân đối	329.883	164.940	50%	133%
	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
	Thu bổ sung có mục tiêu	952	952	100%	1%
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
4	Thu chuyển nguồn		64.256		55%
5	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	223.671	225.250	101%	159%





## PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>590.835</b>	<b>351.220</b>	<b>59%</b>	103%
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>589.883</b>	<b>350.268</b>	<b>59%</b>	113%
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>55.000</b>	<b>42.501</b>	<b>77%</b>	59%
1	Chi đầu tư cho các dự án	55.000	42.501		59%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>522.775</b>	<b>307.767</b>	<b>59%</b>	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	261.173	117.426	45%	102%
2	Chi an ninh quốc phòng	15.407	10.277	67%	143%
3	Chi y tế, dân số và gia đình		2.706		181%
4	Chi văn hoá thông tin, thể dục thể thao và truyền thanh	4.416	2.419	55%	111%
5	Chi bảo vệ môi trường	56.000	34.876	62%	152%
6	Chi hoạt động kinh tế	51.340	33.890	66%	109%
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	80.581	43.609	54%	103%
8	Chi khác ngân sách	2.292	959	42%	118%
9	Chi bảo đảm xã hội	51.566	61.605	119%	409%
10	Giữ nguồn 10% tiết kiệm và nguồn cải cách tiền lương				
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>12.108</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>952</b>	<b>952</b>	<b>100%</b>	3%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	952	952	100%	3%
<b>C</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách</b>				
<b>D</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>				

